

## MỐI QUAN HỆ GIỮA YẾU TỐ BÊN TRONG TỚI ĐỘNG LỰC HỌC TẬP TRỰC TUYẾN: PHẢN HỒI TỪ SINH VIÊN SỰ PHẠM

Nguyễn Thị Thanh Tùng

*Khoa Lí luận Chính trị & Giáo dục Công dân, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*

**Tóm tắt.** Nghiên cứu nằm trong chuỗi tiếp cận của tác giả về phản hồi của sinh viên sư phạm về các yếu tố ảnh hưởng tới động lực học tập (ĐLHT) của họ khi chuyển đổi hình thức học tập từ trực tiếp sang trực tuyến nhằm thích ứng với đại dịch Covid-19 diễn ra ở Việt Nam trong giai đoạn 2019-2022. Mục đích của bài viết này nhằm chỉ ra mối quan hệ giữa các yếu tố nội tại, bao gồm mục tiêu, giá trị nhiệm vụ, năng lực kiểm soát và kinh nghiệm học tập, niềm tin và sự quyết tâm, sự hài lòng với ĐLHT của nhóm sinh viên sư phạm. Nghiên cứu dựa trên phương pháp điều tra xã hội học thông qua phiếu khảo sát đối với 853 sinh viên và dữ liệu được phân tích trên phần mềm SPSS 26.0 đảm bảo độ tin cậy của số liệu. Kết quả phân tích cho thấy mối tương quan thuận giữa các yếu tố bên trong với ĐLHT của sinh viên sư phạm, trong đó tương quan mạnh nhất là ở yếu tố phát biểu mục tiêu học tập với ĐTB chung =3.93 và thấp nhất là yếu tố sự hài lòng của người học với ĐTB chung =3.59. Kết quả này cho thấy sự phản hồi tương đối tích cực của nhóm sinh viên sư phạm khi nhìn ĐLHT của họ trong một giai đoạn khó khăn do đại dịch và các nhà hoạch định chính sách, nhà quản lí, người hướng dẫn và chính bản thân người học cần phải chú ý hơn đến các yếu tố thuộc về động lực nội tại của SV trong chương trình đào tạo và thực hành nghề nghiệp.

**Từ khóa:** động lực học tập, động lực nội tại, sinh viên sư phạm.

### 1. Mở đầu

Đại dịch Covid-19 đã tạo cơ hội cho việc suy nghĩ lại những giả định về giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng [1]. Sau giai đoạn hoạt động dạy học bị gián đoạn bởi ảnh hưởng to lớn của đại dịch Covid-19, hầu hết các trường học đã mở cửa trở lại nhưng giáo dục vẫn đang trong quá trình phục hồi để đánh giá thiệt hại và rút ra những bài học kinh nghiệm. Theo báo cáo của tổ chức UNESCO, đại dịch đã ảnh hưởng đến hơn 1,5 tỉ người học, đặc biệt ở nhóm dễ bị tổn thương nhất [2]. Trong bối cảnh của cuộc khủng hoảng chung mà đại dịch gây ra, đặc biệt là sau quá trình dạy học từ xa khẩn cấp (Emergency Remote Teaching)/ dạy học trực tuyến (Online Learning and Teaching), các nhà hoạch định chính sách ở mọi cấp trong đó có giáo dục đại học đã trải qua sự cần thiết phải nhìn lại về vai trò của các bên liên quan và tìm ra các giải pháp để giúp thu hẹp khoảng cách giữa giảng dạy trực tuyến và giảng dạy trực tiếp, giúp sinh viên tiếp tục duy trì được động lực của họ khi trở lại học trực tiếp. Do đó, việc xem xét các yếu tố ảnh hưởng tới động lực học tập của sinh viên, trong đó có các yếu tố bên trong là một hành động quan trọng, có ý nghĩa lí luận và thực tiễn khi giáo dục đại học trở lại trạng thái bình thường mới bởi “động lực học tập có ảnh hưởng lớn đến thái độ học tập, từ đó dẫn đến kết quả học tập của sinh viên” [3].

---

Ngày nhận bài: 1/3/2022. Ngày sửa bài: 21/3/2022. Ngày nhận đăng: 7/4/2023.

Tác giả liên hệ: Nguyễn Thị Thanh Tùng. Địa chỉ e-mail: [thanhtungspnh@gmail.com](mailto:thanhtungspnh@gmail.com)

Theo Ryan & Deci, động lực nội tại được định nghĩa là “việc thực hiện một hoạt động vì sự thỏa mãn vốn có của nó... Khi được thúc đẩy từ bên trong, một người sẽ hành động vì niềm vui hoặc thử thách kèm theo hơn là vì những khuyến khích, áp lực hoặc phần thưởng bên ngoài” [4]. Động lực nội tại liên quan đến: (1) động lực học hỏi và đạt được kiến thức mới như niềm vui khi học những điều mới; (2) động lực để trải nghiệm sự kích lệ và niềm vui thể chất như sự thích thú khi học các tài liệu học tập thú vị; và (3) động lực để thực hiện hoạt động học tập đầy thách thức để thỏa mãn những mong muốn từ bên trong [5-6]. Động lực nội tại chịu ảnh hưởng của sở thích, tham vọng, nguyện vọng, nhận thức, năng lực, điều kiện thể chất và tâm lí. Khi có động lực mang tính “tự thân”, một người sẽ hành động vì sự đam mê, yêu thích, thậm chí vì tò mò, thích chinh phục thử thách hơn là vì những thúc đẩy, áp lực hoặc phần thưởng bên ngoài [7]. Tác giả Sri Gustiani giải thích, động lực nội tại là “tham vọng học hỏi và thu nhận kiến thức mới, giáo dục niềm tin là quan trọng và tận hưởng trải nghiệm phương pháp học tập mới: sử dụng một số nền tảng kỹ thuật số” [8]. Động lực nội tại tồn tại bên trong các cá nhân, theo một nghĩa khác, động lực nội tại tồn tại trong mối quan hệ giữa cá nhân và hoạt động [9], bao gồm những trải nghiệm tích cực liên quan đến việc rèn luyện và mở rộng năng lực của một người.

Nghiên cứu về các yếu tố bên trong ảnh hưởng tới động lực học tập của người học được xuất phát từ các lí thuyết về động lực như lí thuyết con đường mục tiêu, lí thuyết giá trị-kì vọng, lí thuyết tự quyết, lí thuyết dòng chảy... Lí thuyết tự quyết định đã thu hút sự tranh luận với quy mô lớn trong nhiều thập kỉ của các nhà nghiên cứu [11], [12], [13], [14], [15]. Các công trình về cơ bản đều thống nhất trong phân loại cấu trúc động lực học tập thành động lực bên trong (còn gọi là động lực nội tại) và động lực bên ngoài, trong đó khẳng định tất cả mọi người đều có ba thành tố trụ cột trong “nhu cầu nội tại là quyền tự quyết hoặc tự chủ, cũng như có năng lực và kết nối, trong mối quan hệ với môi trường của họ” [16], [17], [18] và “không có gì đáng ngạc nhiên khi học sinh được hỗ trợ về quyền tự chủ, năng lực và sự liên quan, từ đó tác động có lợi đến quyết tâm tự học... trong các thiết lập trực tuyến” [19]. Trong mối quan hệ với động lực bên ngoài, động lực bên trong đóng vai trò quyết định và “để có động lực nội tại ở mức độ cao, mọi người phải trải nghiệm sự thỏa mãn các nhu cầu về năng lực và quyền tự chủ” [20]. Người học được trải nghiệm niềm tin, sự thích thú, sự quyết tâm và hài lòng với việc học tập cao hơn thông qua sự thỏa mãn của ba nhu cầu tâm lí này, và ngược lại cảm thấy bị phân tán, bị cô lập và phản ứng khi nhu cầu của họ không được đáp ứng. Do đó, lí thuyết tự quyết cho thấy, động lực học tập của người học có liên quan mật thiết tới các yếu tố nội tại thuộc về bản thân người học như niềm tin, sự quyết tâm, ý chí, năng lực kiểm soát của người học [21].

Bên cạnh đó, lí thuyết dòng chảy do Csikszentmihalyi khởi xướng, mô tả 9 khía cạnh cần thiết để một hoạt động thúc đẩy trạng thái dòng chảy: mục tiêu rõ ràng; phản hồi tích cực; sự phù hợp giữa kĩ năng cá nhân và thách thức; hợp nhất hành động và nhận thức; tạo điều kiện tập trung vào nhiệm vụ; hỗ trợ cảm giác kiểm soát; ý thức tự giác trong khi thực hiện nhiệm vụ; cảm giác về thời gian thay đổi; kinh nghiệm trở thành trải nghiệm tự thân [22], [23], [24]. Đối với vấn đề duy trì động lực học tập của người học nhìn từ các yếu tố bên trong, lí thuyết dòng chảy gợi mở đến việc nhận thức chủ quan của người học về việc xác định mục tiêu, giá trị nhiệm vụ và năng lực, kinh nghiệm trải nghiệm dòng chảy của người học. Điều này có sự gặp gỡ với quan điểm của nhóm tác giả Nguyễn Hữu Tài & cộng sự cho rằng động lực học tập của sinh viên Việt Nam chịu sự ảnh hưởng của các yếu tố nội động lực bao gồm nhận thức của bản thân người học về giá trị nhiệm vụ học tập và ý chí, quan điểm sống của người học [25]. Giải mã về các yếu tố ảnh hưởng tới động lực học tập của SV trong bối cảnh thích ứng với đại dịch, nhóm tác giả Rahm và cộng sự [26] và Nguyễn Thị Thanh Tùng [27] cho rằng: Duy trì động lực học tập khi bị xã hội cô lập trong một trận đại dịch có thể là một thách thức và yếu tố sự hài lòng, niềm vui học tập là một trong những nhân tố kích thích động lực học tập của sinh viên.

Kế thừa các điểm tựa lí thuyết, các kết quả nghiên cứu trong và ngoài nước về ĐLHT và tập trung bàn sâu hơn về động lực nội tại, trong nghiên cứu trước đây, tác giả Nguyễn Thị Thanh Tùng đã đề xuất mô hình lí thuyết về ảnh hưởng của các nhân tố tới ĐLHT trực tuyến của sinh viên trong đó xác định 5 nhóm yếu tố bên trong có mối tương quan tới ĐLHT của người học trong giai đoạn học tập trực tuyến bao gồm: Mục tiêu; Giá trị nhiệm vụ; Niềm tin, ý chí, sự quyết tâm; Khả năng kiểm soát, kinh nghiệm học tập; Sự hài lòng của bản thân sinh viên [28]. Về cơ bản, các yếu tố động lực bên trong mang tính ổn định và có mối liên hệ với các yếu tố bên ngoài. Trong nghiên cứu này, bài viết tiếp tục bổ sung phân tích đặc điểm nhân khẩu học và các kết quả khảo sát phản hồi nhận thức của sinh viên sư phạm về mối tương quan giữa các nhân tố bên trong đối với động lực học tập trực tuyến của họ trong giai đoạn quá trình học tập diễn ra dưới hình thức trực tuyến hoàn toàn hoặc một phần.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Phương pháp và quy trình nghiên cứu

Nghiên cứu khảo sát phản hồi từ tổng số 853 sinh viên SV K70 và K71(42 nam, 361 nữ, 2 thuộc giới tính khác) của trường ĐHSP Hà Nội, Việt Nam - là những sinh viên đã được trải nghiệm học tập trực tuyến từ xa khi trường đại học đóng cửa nhằm thích ứng với đại dịch, với đặc điểm cơ cấu mẫu về giới tính, khối ngành, số học kì trải nghiệm học trực tuyến, khu vực cư trú và nghề nghiệp, hoàn cảnh gia đình như sau:

**Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu học (N=853)**

STT	Các yếu tố nhân khẩu học	Số lượng	Tỉ lệ
<b>Giới tính</b>			
1	Nam	88	10.3
2	Nữ	761	89.2
3	Khác	4	0.5
<b>Chuyên ngành</b>			
1	Khoa học tự nhiên	283	32.2
2	Khoa học xã hội và nhân văn	264	30.9
3	Khoa học giáo dục	213	25.0
4	Khác	93	10.9
<b>Địa bàn cư trú</b>			
1	Miền núi	130	15.2
2	Nông thôn	421	49.4
3	Đô thị	296	34.7
4	Khác	6	0.7
<b>Số học kì tham gia học trực tuyến</b>			
1	Từ 0 đến 1 học kì	64	7.5
2	Từ trên 1 đến 2 học kì	577	67.6
3	Từ trên 2 đến 3 học kì	191	22.4
4	Trên 3 học kì	21	2.5
<b>Hoàn cảnh sống của gia đình/ Nghề nghiệp của cha mẹ</b>			
1	Cán bộ, viên chức nhà nước	257	30.1
2	Kinh doanh, buôn bán	150	17.6

3	Sản xuất nông nghiệp	207	24.3
4	Công nhân nhà máy, xí nghiệp	110	12.9
5	Công an, quân đội	13	1.5
6	Khác	116	13.6
	<b>Tổng số</b>	<b>853</b>	<b>100</b>

Nghiên cứu được tiến hành theo quy trình 2 bước: Bước 1: Xây dựng cơ sở lựa chọn biến dựa trên các nguồn tài liệu khoa học, xin ý kiến của chuyên gia về tính hợp lí của các biến. Câu hỏi khảo sát bao gồm phần I. Đặc điểm nhân khẩu học và phần II. Nội dung câu hỏi khảo sát. Quá trình khảo sát thực hiện thông qua công cụ trực tuyến là Google Form. Sinh viên tham gia trả lời các câu hỏi được đo lường dựa theo thang đo Linkert 5 mức độ, tương ứng với mức 1- Hoàn toàn không hài lòng/ Hoàn toàn không đồng ý đến mức 5- Rất hài lòng/ Rất đồng ý. Bước 2: Nghiên cứu định lượng thông qua câu hỏi khảo sát trực tuyến và sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 26.0. Kết quả kiểm định độ tin cậy của các biến trên phần mềm SPSS 26.0 cho thấy, hệ số Cronbach's Alpha dao động trong khoảng từ 0.899 đến 0.935, cho thấy số liệu nghiên cứu đảm bảo tiêu chuẩn để đưa vào phần mềm phân tích kết quả.

**Bảng 2. Độ tin cậy của các thang đo**

STT	Các miền đo	Tổng số	Hệ số Cronbach's Alpha
<b>Các yếu tố thuộc về động lực nội tại</b>			
1	Phát biểu mục tiêu rõ ràng (Goal- mã hóa là G)	8	0.932
2	Xác định giá trị nhiệm vụ (Task Value- mã hóa là TV)	6	0.935
3	Niềm tin, sự quyết tâm (Believe- mã hóa là B)	6	0.920
4	Khả năng kiểm soát, kinh nghiệm học tập (Control- mã hóa là C)	6	0.920
5	Sự hài lòng của bản thân SV (Satisfaction- mã hóa là S)	5	0.899

## 2.2. Kết quả nghiên cứu

### 2.2.1. Phân tích hồi quy đa biến và viết phương trình hồi quy tuyến tính về sự ảnh hưởng của các yếu tố bên trong tới ĐLHT của sinh viên sư phạm trong bối cảnh đại dịch

**Bảng 3. Model Summary<sup>b</sup>**

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate	Durbin-Watson
1	.968 <sup>a</sup>	.936	.936	.18148	1.959

**Bảng 4. Phân tích ANOVA<sup>a</sup>**

Model	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	
1	Regression	410.370	5	82.074	2491.871	.000 <sup>b</sup>
	Residual	27.897	847	.033		
	Total	438.267	852			

Bảng 3 cho thấy, hệ số Adjusted R Square = .936. Nghĩa là 93,6% biến thiên của biến phụ thuộc ĐLHT trực tuyến được giải thích bởi 5 nhân tố độc lập. Điều này cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính này phù hợp với tập dữ liệu của mẫu ở mức 93,6% tức là các biến độc lập giải thích được 93,6% biến thiên của biến phụ thuộc ĐLHT trực tuyến. Kiểm định giả thuyết về độ phù hợp với tổng thể của mô hình (Bảng 4), giá trị F=2491.871 với Sig.=0.000 <5%, chứng tỏ R<sup>2</sup> của tổng thể khác 0. Điều này đồng nghĩa với việc mô hình hồi quy tuyến tính xây dựng được là

phù hợp với tổng thể, chứng tỏ là các biến độc lập - yếu tố bên trong có tác động đến biến phụ thuộc là ĐLHT trực tuyến của sinh viên.

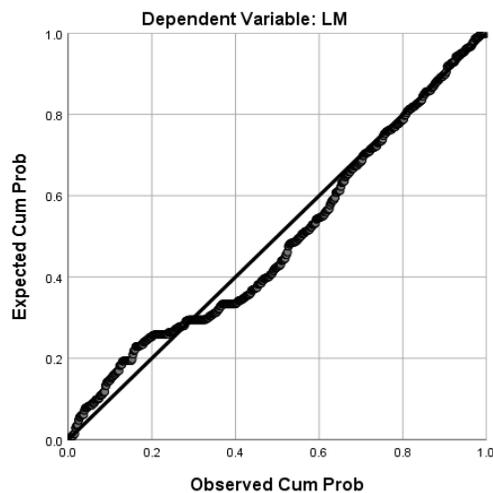
**Bảng 5. Kết quả hồi quy tuyến tính**

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	Sig.
		B	Std. Error	Beta	
1	Constant	.176	.034		.000
	G	.248	.012	.279	.000
	B	.083	.017	.090	.000
	C	.109	.016	.118	.000
	TV	.282	.016	.311	.000
	S	.258	.013	.290	.000

Dựa trên kết quả hồi quy tuyến tính của cả nhóm ĐLB (Bảng 5), nhóm nghiên cứu đã xây dựng được mô hình hồi quy tuyến tính dựa vào số liệu khảo sát từ 853 sinh viên sư phạm ở Việt Nam, phương trình hồi quy tuyến tính có dạng là:

$$LM (IM) = 0.176 + 0,248 * G + 0,083 * B + 0,109 * C + 0.282 * TV + 0.258 * S$$

Normal P-P Plot of Regression Standardized Residual



**Biểu đồ 1. Mối tương quan giữa các nhóm yếu tố bên trong tới ĐLHT của sinh viên sư phạm**

Kết quả hồi quy để kiểm định các giả thuyết đề ra về mối tương quan giữa các yếu tố nội tại đến ĐLHT của sinh viên sư phạm ở Việt Nam cũng được thể hiện qua Biểu đồ 1.

Biểu đồ Normal P-P Plot cho thấy, các trị số quan sát và trị số mong đợi đều nằm gần trên đường chéo chứng tỏ phần dư chuẩn hóa có phân phối chuẩn. Kiểm định bằng biểu đồ P- P Plot thể hiện những giá trị của các điểm phân vị của phân phối của biến theo các phân vị của phân phối chuẩn. Quan sát mức độ các điểm thực tế, tập trung sát đường thẳng ĐLHT trực tuyến, cho thấy tập dữ liệu nghiên cứu là tốt, phần dư chuẩn hóa có phân phối gần sát phân phối chuẩn. Mặc dù có một vài vị trí hơi xa so với đường chéo là biến phụ thuộc- động lực học tập nhưng cho thấy sự đa dạng trong lựa chọn câu trả lời từ phía sinh viên.

**2.2.2. Phân tích mô tả sự ảnh hưởng của các yếu tố nội tại tới động lực học tập của sinh viên sư phạm trong bối cảnh đại dịch**

Kết quả Bảng 6 cho thấy mức độ tương quan, ảnh hưởng của các nhóm nhân tố nội tại tới sự thúc đẩy ĐLHT của sinh viên sư phạm ở Việt Nam trong thời kì đại dịch.

**Bảng 6. Phản hồi của sinh viên sư phạm ở Việt Nam về sự ảnh hưởng của các yếu tố nội tại tới ĐLHT**

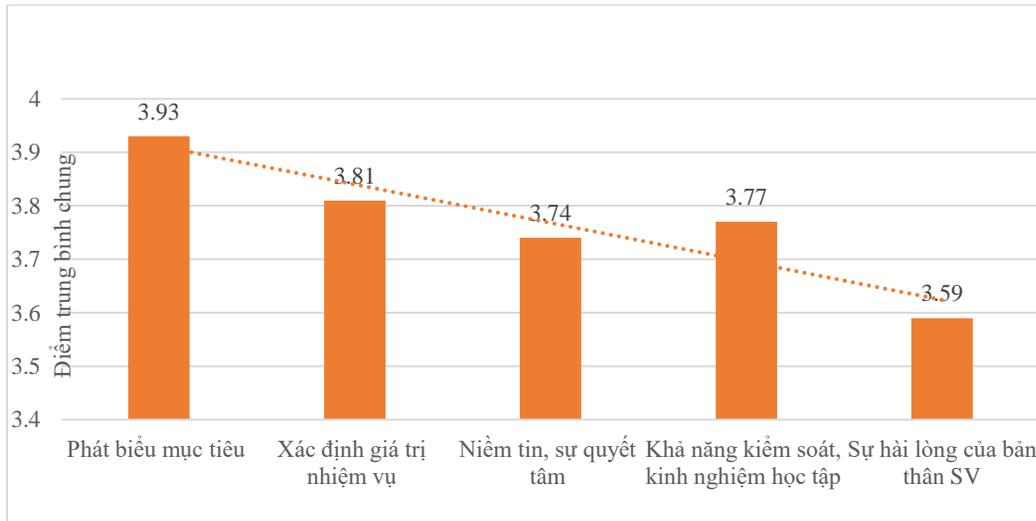
	Mã hóa Diễn giải biến	Min	Max	Độ lệch chuẩn	ĐTB	Thứ bậc
<b>Mối liên hệ giữa định hướng mục tiêu của việc học tập với ĐLHT trực tuyến</b>						
G1	Tôi thích các khám phá các bài học bởi nó giúp tôi học được những tri thức mới bổ ích.	1	5	.948	3.99	3
G2	Tôi thích những tài liệu có khả năng thách thức bản thân tôi và khơi dậy trong tôi khát khao chinh phục.	1	5	.952	3.76	8
G3	Điều tôi hài lòng nhất là cố gắng hiểu được nội dung bài học kĩ càng nhất có thể ngay cả khi chúng khó học.	1	5	.971	3.99	3
G4	Tôi chọn làm các bài tập mà giúp tôi học và củng cố kiến thức ngay cả khi chúng không đảm bảo điểm số.	1	5	.986	3.78	7
G5	Đạt điểm cao và giành nhiều phần thưởng là điều khiến tôi hài lòng nhất	1	5	1.016	4.07	2
G6	Mỗi quan tâm của tôi là đạt được bằng giỏi và bằng điểm với những điểm số tốt.	1	5	.962	4.12	1
G7	Tôi muốn có thành tích xếp hạng học tập cao hơn các bạn khác trong lớp, trong khóa của tôi.	1	5	.987	3.86	6
G8	Tôi muốn học tốt vì điều quan trọng là phải chứng minh cho gia đình, bố mẹ, thầy cô, bạn bè tôi thấy năng lực của tôi.	1	5	1.023	3.88	5
<b>Trung bình</b>				<b>0.932</b>	<b>3.93</b>	
<b>Mối liên hệ giữa niềm tin, sự hứng thú, quyết tâm đối với ĐLHT trực tuyến</b>						
B9	Tôi luôn đam mê, tìm tòi để đạt được mục tiêu học tập của bản thân khi theo học ngành học này.	1	5	.918	3.74	2
B10	Tôi tin nếu tôi cố gắng học theo những cách thích hợp thì tôi sẽ hiểu được các khái niệm, kiến thức, nội dung bài học dưới sự hướng dẫn của thầy cô.	1	5	.867	4.08	1
B11	Tôi tin tôi có thể hoàn thành xuất sắc các bài tập và bài kiểm tra, để đạt điểm số tốt	1	5	.928	3.67	5
B12	Tôi chắc chắn rằng tôi có thể thành thạo các kĩ năng được dạy trong quá trình theo học ngành học của mình.	1	5	.899	3.68	4
B13	Tôi đủ tự tin để giải quyết các vấn đề gặp phải trong học tập dù việc giải quyết đôi lúc thật không dễ dàng.	1	5	.973	3.55	6
B14	Tôi đủ quyết tâm để có thể vượt qua những khó khăn để đạt được mục tiêu học tập bản thân đề ra.	1	5	.921	3.74	2
<b>Trung bình</b>				<b>0.920</b>	<b>3.74</b>	
<b>Mối liên hệ giữa Khả năng kiểm soát, kinh nghiệm học tập đối với ĐLHT trực tuyến</b>						
	Tôi tin tôi có khả năng hoàn thành các khóa	1	5	.913	3.72	4

Mối quan hệ giữa yếu tố bên trong tới động lực học tập trực tuyến: ...

C15	học trực tuyến vì tôi đã trang bị cho bản thân những kinh nghiệm, phương pháp học tập hiệu quả.					
C16	Tôi có khả năng chủ động lập thời gian biểu và sắp xếp kế hoạch học tập trực tuyến cho bản thân để hoàn thành mục tiêu đề ra.	1	5	.923	3.61	6
C17	Tôi không ngại tích cực trang bị cho bản thân năng lực ứng dụng CNTT để nâng cao hiệu quả học tập trực tuyến	1	5	.927	3.90	2
C18	Tôi có kinh nghiệm tham gia thảo luận nhóm và tương tác với giảng viên để hiểu sâu kiến thức của bài học và tích lũy quá trình thật tốt.	1	5	.966	3.63	5
C19	Tôi có ý thức phát huy tinh thần tự học và hoàn thành nhiệm vụ học tập trực tuyến	1	5	.890	3.74	3
C20	Tôi cho rằng đôi lúc thất bại trong một nhiệm vụ học tập nào đó cũng giúp tôi có những bài học kinh nghiệm cho bản thân.	1	5	.885	4.02	1
<b>Trung bình</b>				<b>0.920</b>	<b>3.77</b>	
<b>Mối liên hệ giữa việc xác định giá trị nhiệm vụ đối với ĐLHT trực tuyến</b>						
TV21	Tôi nghĩ rằng tôi có thể sử dụng những gì tôi học được trong khóa học này trong các khóa học khác	1	5	.883	3.89	2
TV22	Tôi nghĩ rằng các nội dung, chủ đề của mỗi môn học đều hữu ích để tôi học hỏi.	1	5	.886	3.92	1
TV23	Điều quan trọng là tôi phải học tài liệu khóa học trong lớp học này	1	5	.908	3.77	5
TV24	Tôi rất quan tâm đến các nội dung bài giảng của môn học này	1	5	.897	3.79	4
TV25	Tôi thích các chủ đề của môn học/ khóa học này vì nó có độ khó thách thức tôi	1	5	.950	3.64	6
TV26	Tôi hiểu các chủ đề của mỗi môn học/ khóa học đều rất quan trọng cho nghề nghiệp của tôi sau này.	1	5	.929	3.87	3
<b>Trung bình</b>				<b>0.935</b>	<b>3.81</b>	
<b>Mối liên hệ giữa sự hài lòng đối với ĐLHT trực tuyến</b>						
S27	Tôi cảm thấy hài lòng với về hiệu quả học tập và làm việc của bản thân	1	5	.976	3.37	5
S28	Tôi cảm thấy hài lòng với nguồn tài nguyên, học liệu mà tôi được tham gia khám phá.	1	5	.954	3.58	3
S29	Tôi cảm thấy hài lòng với các kết nối xã hội giữa tôi với thầy cô, bạn bè và nhà trường	1	5	.934	3.62	2
S30	Tôi cảm thấy hài lòng với cơ sở, vật chất, hạ tầng công nghệ của trường tôi.	1	5	.975	3.58	3
S31	Tôi cảm thấy hài lòng với môi trường học tập và đội ngũ hỗ trợ, cố vấn tôi trong suốt quá trình học tập	1	5	.941	3.80	1
<b>Trung bình</b>				<b>0.899</b>	<b>3.59</b>	

Nguồn: Số liệu khảo sát và phân tích trên phần mềm SPSS 26.0

Bảng số liệu trên cho thấy, ở khu vực biên “định hướng mục tiêu”, xếp thứ hạng cao nhất thuộc về biến G6 với ĐTB =4.12 và thấp nhất là G2 với ĐTB = 3.76. Ở khu vực biên “niềm tin, sự hứng thú, quyết tâm đối với ĐLHT trực tuyến”, xếp thứ hạng cao nhất thuộc về biến B10 với ĐTB =4.08 và thấp nhất là B13 với ĐTB = 3.55. Ở khu vực biên “khả năng kiểm soát, kinh nghiệm học tập”, xếp thứ hạng cao nhất thuộc về biến C20 với ĐTB =4.02 và thấp nhất là C16 với ĐTB = 3.61. Ở khu vực biên “xác định giá trị nhiệm vụ học tập”, xếp thứ hạng cao nhất thuộc về biến TV22 với ĐTB =3.92 và thấp nhất là TV25 với ĐTB = 3.64. Ở khu vực biên “sự hài lòng” của bản thân SV Việt Nam với học tập trực tuyến, xếp thứ hạng cao nhất thuộc về biến S31 với ĐTB =3.80 và thấp nhất là S27 với ĐTB = 3.37. Các biến còn lại đạt yêu tố trung lập trở lên.



**Biểu đồ 2. So sánh mức độ ảnh hưởng của các nhóm nhân tố đối với ĐLHT trực tuyến của sinh viên sư phạm**

Như vậy, dạy và học trong giai đoạn khủng hoảng do đại dịch là một thách thức lớn với tất cả các chính phủ, toàn hệ thống giáo dục [29]. Tăng cường sự tham gia của các yếu tố đến từ bên trong và bên ngoài là một phần không thể thiếu để gia tăng động lực học tập cho sinh viên trong giai đoạn học tập từ xa thích ứng với đại dịch ở Việt Nam. Kết quả phân tích cho thấy, các yếu tố nội tại và bên ngoài được đề xuất trong nghiên cứu đều có tương quan thuận với động lực học tập của sinh viên sư phạm, thỏa mãn kỳ vọng giả thuyết ban đầu là tất cả các nhóm biến đều tương quan “+” với ĐLHT của sinh viên sư phạm ở Việt Nam trong giai đoạn tham gia học tập trực tuyến thích ứng với đại dịch.

Bên cạnh đó, ở nhóm nhân tố động lực nội tại, tương quan mạnh nhất theo phản hồi của sinh viên sư phạm ở Việt Nam là để duy trì ĐLHT trực tuyến cần xác định được mục tiêu học tập rõ ràng với ĐTB chung =3.93, tiếp đến là xác định được giá trị, ý nghĩa của việc học (ĐTB =3.81) và có năng lực kiểm soát, kinh nghiệm học tập tốt (ĐTB =3.77). Kết quả này gợi mở cho việc, sau đại dịch, các nhà quản lý giáo dục, giảng viên, sinh viên và cộng đồng học tập cần quan tâm hơn tới các biện pháp thúc đẩy hơn nữa sự duy trì mục tiêu, niềm tin, sự quyết tâm học tập, đồng thời cải thiện sự hài lòng của bản thân người học khi trở lại trạng thái bình thường mới. Tuy nhiên, theo quan điểm của nhóm tác giả Hằng & Hùng (2022), do ảnh hưởng của yếu tố Nho giáo và ảnh hưởng từ tư tưởng trọng điểm số, thành tích của bố mẹ Việt Nam [30] nên trong xác định mục tiêu học tập của sinh viên Việt Nam cũng thiên hướng ưu tiên có những mục tiêu trước mắt về bằng cấp, điểm số hơn là việc tự nhận thức được giá trị bền vững của mục tiêu tự thân. Do đó, các nhà giáo dục cần có giải pháp giúp cho người

học xây dựng chiến lược học tập bền vững hơn khi hoạt động học tập của sinh viên trở lại trạng thái bình thường sau đại dịch.

### 3. Kết luận

Khi đại dịch Covid-19 diễn ra trên toàn thế giới, trong đó có Việt Nam đã đưa đến một bối cảnh chưa từng có trong lịch sử giáo dục đại học. Sự kết hợp độc đáo của cuộc khủng hoảng sức khỏe cộng đồng, sự cô lập xã hội và suy thoái kinh tế gây ra lo lắng và căng thẳng, làm trầm trọng thêm các vấn đề sức khỏe tâm thần hiện có của người học, trong đó có sinh viên. Kết quả nghiên cứu trên cũng cho thấy, khi sinh viên được hỗ trợ về quyền tự chủ, năng lực và sự liên quan đến việc học, từ đó tác động có lợi đến ý chí, quyết tâm, sự hứng thú và hài lòng của sinh viên với hoạt động học tập trực tuyến.

Do đó, trong bối cảnh giáo dục đại học chuyển trở lại từ trạng thái học tập trực tuyến sang giai đoạn trở lại học tập trực tiếp, sự tự chủ, năng lực kiểm soát và sự kết nối của bản thân SV có mối tương quan thuận đối với động lực học tập và thành tích học tập của chính người học. Điều này gợi mở các hàm ý cũng là những trải nghiệm hiệu quả, tích cực mà chính sinh viên đã trải qua trong đại dịch Covid-19 về việc học của họ. Các lí thuyết nghiên cứu cùng những kết quả phản hồi của sinh viên sư phạm đã khẳng định vai trò của các yếu tố nội tại bên trong bản thân sinh viên, đó là nhận thức của bản thân người học về mục tiêu, nhiệm vụ; sự hứng thú, ý chí, quyết tâm của người học; năng lực của người học; sự hài lòng của người học đối với sự thúc đẩy hoặc kìm hãm động lực học tập của họ. Do đó, sinh viên cần có sự chủ động và ý thức tự giác học tập, có khát khao chinh phục các mục tiêu học tập trước mắt và lâu dài, đồng thời xây dựng mục tiêu, kế hoạch, chiến lược học tập, tham gia kết nối với GV, nhóm và tương tác với chính nguồn học liệu được cung cấp hoặc tự tìm kiếm. Đồng thời, cần có chương trình hành động có tính toàn diện dựa trên năng lực số và chương trình hỗ trợ tâm lí sư phạm cho người học mà có sự tham gia của gia đình- nhà trường- cộng đồng nhằm giúp đỡ nhiều hơn cho những sinh viên yếu kém trong học tập sau đại dịch tái thiết lại sự cân bằng trong tâm lí học tập của họ.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Chrysi Rapanta, et al., 2021. Balancing Technology, Pedagogy and the New Normal: Post-pandemic Challenges for Higher Education. *Postdigital Science and Education*, 3, 715–742.
- [2] UNESCO, 2022. *Education: from school closure to recovery*. Source: <https://www.unesco.org/en/covid-19/education-response/initiatives>
- [3] Hoàng Thị Mỹ Nga & Nguyễn Tuấn Kiệt, 2016. Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên kinh tế trường đại học Cần Thơ. *Tạp chí khoa học Trường ĐH Cần Thơ*, số 46, tr.107-115. <http://dx.doi.org/10.22144/ctu.jvn.2016.575>
- [4] Ryan, R.M. & Deci, E.L., 2000. Intrinsic and Extrinsic Motivations: Classic Definitions and New Directions. *Contemporary Educational Psychology*, 25, 54–67. Doi:10.1006/ceps.1999.1020
- [5] Ryan, R.M. & Deci, E.L., 2000. Intrinsic and Extrinsic Motivations: Classic Definitions and New Directions. *Contemporary Educational Psychology*, 25, 54–67. Doi:10.1006/ceps.1999.1020
- [6] Ryan, R. M., & Deci, E. L., 2017. *Self-determination theory: Basic psychological needs in motivation, development, and wellness*. New York, NY: Guilford Publishing.

- [7] Ryan, R.M. & Deci, E.L., 2020. Intrinsic and extrinsic motivation from a self-determination theory perspective: Definitions, theory, practices, and future directions. *Contemporary Educational Psychology*, 61, 1-32. <https://doi.org/10.1016/j.cedpsych.2020.101860>
- [8] Sri Gustiani, 2020. Students' motivation in online learning during Covid-19 pandemic ara: A case study. *Holistics Journal*, 12 (2), 23-40.
- [9] Sri Gustiani, 2020. Students' motivation in online learning during Covid-19 pandemic ara: A case study. *Holistics Journal*, 12 (2), 23-40.
- [10] Ryan, R.M. & Deci, E.L., 2000. Intrinsic and Extrinsic Motivations: Classic Definitions and New Directions. *Contemporary Educational Psychology*, 25, 54–67. Doi:10.1006/ceps.1999.1020
- [11] Ryan, R. M., & Niemiec, C. P., 2009. Self-determination theory in schools of education: Can an empirically supported framework also be critical and liberating? *Theory and Research in Education*, 7(2), 263–272.
- [12] Deci, E. L., & Ryan, R. M., 2012. Self-determination theory. In P. A. M. Van Lange, A. W. Kruglanski, & E. T. Higgins (Eds.), *Handbook of theories of social psychology* (pp.416–436). Sage Publications Ltd. <https://doi.org/10.4135/9781446249215.n21>
- [13] Ryan, R. M., & Deci, E. L., 2017. *Self-determination theory: Basic psychological needs in motivation, development, and wellness*. New York, NY: Guilford Publishing.
- [14] Ryan, R.M. & Deci, E.L., 2020. Intrinsic and extrinsic motivation from a self-determination theory perspective: Definitions, theory, practices, and future directions. *Contemporary Educational Psychology*, 61, 1-32. <https://doi.org/10.1016/j.cedpsych.2020.101860>
- [15] Thomas K. F. Chiu., 2021. Applying the self-determination theory (SDT) to explain student engagement in online learning during the COVID-19 pandemic, *Journal of Research on Technology in Education*. <https://doi.org/10.1080/15391523.2021.1891998>
- [16] Ryan, R.M. & Deci, E.L., 2000. Intrinsic and Extrinsic Motivations: Classic Definitions and New Directions. *Contemporary Educational Psychology*, 25, 54–67. Doi:10.1006/ceps.1999.1020
- [17] Ryan, R.M. & Deci, E.L., 2020. Intrinsic and extrinsic motivation from a self-determination theory perspective: Definitions, theory, practices, and future directions. *Contemporary Educational Psychology*, 61, 1-32. <https://doi.org/10.1016/j.cedpsych.2020.101860>
- [18] Thomas K. F. Chiu., 2021. Applying the self-determination theory (SDT) to explain student engagement in online learning during the COVID-19 pandemic. *Journal of Research on Technology in Education*. <https://doi.org/10.1080/15391523.2021.1891998>
- [19] Avneet Hira & Emma Anderson, 2021. Motivating Online Learning through Project-Based Learning During the 2020 COVID-19 Pandemic. *Special Issue: COVID-19: Education Response to a Pandemic*, 9(2), 96-110.
- [20] Ryan, R.M. & Deci, E.L., 2000. Intrinsic and Extrinsic Motivations: Classic Definitions and New Directions. *Contemporary Educational Psychology*, 25, 54–67. Doi:10.1006/ceps.1999.1020
- [21] Nguyễn Thị Thuỳ Dung, 2021. Tạo động lực học tập cho học sinh - Một năng lực cần thiết của giáo viên phổ thông đáp ứng giáo dục 4.0, *Tạp chí Khoa học Giáo dục*, Số 43, tr.1-5. [http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/baiso01\\_so43.pdf](http://vjes.vnies.edu.vn/sites/default/files/baiso01_so43.pdf).

- [22] Csikszentmihalyi, M., 1990. *Flow: The psychology of optimal experience*. Harper & Row.
- [23] Dos Santos, W. O., et al., 2018. Flow Theory to Promote Learning in Educational Systems: Is it Really Relevant? *Brazilian Journal of Computers in Education (Revista Brasileira de Informática na Educação - RBIE)*, 26(2), 29-59.
- [24] Csikszentmihalyi, 2021. *Tâm lí học hiện đại trải nghiệm tối ưu*, Huỳnh Hiếu Thuận (dịch), Trần Xuân Hải (hiệu đính). Nxb. Dân trí, Tp. Hồ Chí Minh.
- [25] Nguyễn Hữu Tài và cộng sự, 2016. Các yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên- Một ví dụ của trường đại học Lạc Hồng. *Tạp chí khoa học Lạc Hồng*, số 5, tr.1-6. [https://lhu.edu.vn/Data/News/383/files/01\\_Huu\\_Tai\\_Thanh\\_Hien\\_Thanh\\_Lam.pdf](https://lhu.edu.vn/Data/News/383/files/01_Huu_Tai_Thanh_Hien_Thanh_Lam.pdf)
- [26] Rahm, A-K., et al., 2021. Effects of realistic e-learning cases on students' learning motivation during COVID-19. *PLoS ONE*, 16 (4). <https://doi.org/10.1371/journal.pone.0249425>
- [27] Nguyen Thi Thanh Tung, 2021. Satisfaction of students with online teaching and learning at Faculty of Politics Theory-Civic Education, Hanoi National University of Education, in the context of the Covid-19 pandemic, *HNUE Journal of Science*, Educational Sciences, 66 (5), 150-162.
- [28] Nguyễn Thị Thanh Tùng, 2022, Các yếu tố ảnh hưởng tới động lực học tập của người học trong bối cảnh đại dịch Covid-19: Một tiếp cận hệ thống lịch sử nghiên cứu. *Tạp chí khoa học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, số 4. DOI: 10.18173/2354-1075.2022-0082.
- [29] Means, B., & Neisler, J., 2021. Teaching and learning in the time of COVID: The student perspective. *Online Learning*, 25(1), 8-27. <https://doi.org/10.24059/olj.v25i1.2496>
- [30] Ngô Vũ Thu Hằng & Vũ Thị Mai Hương, 2022. The practices of pupil behavior management according to primary pupils' parents and teachers in Vietnam. *Pastoral Care in Education*. Published online: 07 Sep 2022. <https://doi.org/10.1080/02643944.2022.2122071>

## ABSTRACT

### **The relationship between internal factors to the learning motivation: feedback from pedagogical students**

The study is part of the author's approach to student feedback on factors affecting their learning motivation when switching from face-to-face to online learning in order to adapt to the Covid-19 pandemic taking place in Vietnam from 2019 to 2022. The purpose of this article is to show the relationship between intrinsic factors, including goals, task values, control competence, and learning experience, belief, and determination, satisfaction. The research is based on the method of sociological investigation through questionnaires for 853 students of Hanoi National University of Education and the data is analyzed on SPSS 26.0 software. Based on the quantitative research method through the use of SPSS 26.0 software, the analysis results show that there is a positive (+) correlation between the internal factors and the teaching quality of pedagogical students, in which the correlation is positive. The strongest correlation is in the factor of stating the learning goals with Mean = 3.93 and the lowest factor is the student satisfaction factor with Mean= 3.59. This result shows the relatively positive response of the group of pedagogical students when looking at their university teaching during a difficult period due to the pandemic and suggests interesting educational implications about the policymakers, instructors, and learners themselves need to pay more attention to the intrinsic motivational factors of students in training programs and professional practice.

**Keywords:** learning motivation, intrinsic motivation, pedagogical students.